

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON HỒNG PHONG
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 10 năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2019

(Kèm theo thông báo số: 190/TB- MNHP ngày 05/10/2019 của trường MN Hồng Phong)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2018 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2019"; + Bổ sung .

Trường Mầm non Hồng Phong công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2019 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2019	Thực hiện quý III năm 2019	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
1	Số thu phí, lệ phí	143,000,000	81,000,000		-
1.1	Học phí	143,000,000	81,000,000		-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	57,200,000	81,000,000		
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>57,200,000</u>	<u>32,400,000</u>		
	Mục 6000: Tiền lương	57,200,000	32,400,000		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	48,600,000		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc				
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.		48,600,000		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0		-
<u>II</u>	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	<u>3,435,000,000</u>	<u>2,358,072,445</u>	<u>69</u>	<u>131</u>
1	Chi quản lý hành chính				

2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,435,000,000	2,358,072,445	69	131
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,435,000,000	2,358,072,445	69	131
a	Chi thanh toán cho cá nhân	2,577,463,000	1,698,003,257	66	107
	Mục 6000: Tiền lương	1,335,000,000	963,206,142	72	118
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	84,000,000	-	0	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	710,000,000	456,160,350	64	104
	Mục 6200: Tiền thưởng	12,963,000	10,500,000		-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	5,500,000	4,310,000	78	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	430,000,000	263,826,765	61	108
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-		-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	595,537,000	659,069,188	111	364
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	80,000,000	72,207,867	90	246
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	81,037,000	58,229,000	72	270
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20,000,000	7,769,000	39	304
	Mục 6650: Hội nghị	3,500,000	-		
	Mục 6700: Công tác phí	23,000,000	4,865,000	21	41
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80,000,000	59,595,276	74	143
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ	140,000,000	369,111,045		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50,000,000	-	0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	110,000,000	72,292,000	66	145
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	8,000,000	15,000,000	188	94
c	Các khoản chi khác	12,000,000	1,000,000	8	4
	Mục 7750: Chi khác	12,000,000	1,000,000	8	4
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	250,000,000			-
a	Chi thanh toán cho cá nhân	-	-		-
	Mục 6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	-			-
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-			-
	Mục 6199: Các khoản hỗ trợ khác	-			-
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	250,000,000	-		-
	Mục 6907: Nhà cửa	222,807,000			
	Mục 6949: Các TS khác và CTHT CS khác	27,193,000			-

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Kim Oanh